

Bản án số: 135/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/9/2022
V/v Xin ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đạt.
2. Ông Dương Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 144/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 về việc: “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Thúy K** – sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ 17, khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. **Bị đơn:** Ông **Bùi Văn L** – sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ 17, khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà Trần Thị Thúy K trình bày:

Tôi và ông Bùi Văn L kết hôn với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/11/2010. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung, ông L thường xuyên đi nhậu, mỗi lần nhậu say về ông L có thái độ đập phá đồ đạc trong nhà thậm chí có lần đánh đập tôi nên tôi không thể tiếp tục chung sống với ông L, từ tháng 6/2022 tôi đã bỏ đi ra ngoài thuê nhà ở vì không thể chấp nhận sự bạo hành của ông L, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Ngoài ra trong quá trình sống chung tôi nhận thấy mình không được ông L quan tâm, chăm sóc, trong khi đó tôi luôn làm

tròn trách nhiệm của mình. Hiện tại cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tôi không còn tình cảm với ông L nên tôi yêu cầu xin được ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 03 người con chung là 1/ Bùi D – sinh ngày 14/8/2010, 2/ Bùi L – sinh ngày 02/4/2013, 3/ Bùi T – sinh ngày 22/8/2016. Tôi xin được nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Xin tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Ông Bùi Văn L trình bày:

Về việc kết hôn như bà K trình bày là đúng, tôi thừa nhận có thường hay đi nhậu và có đập phá đồ trong nhà, việc đánh bà K tôi chỉ có lỡ đánh 02 lần do lúc tôi không kiềm chế được bản thân. Việc tôi đi nhậu do tôi buồn bản thân đi làm không lo cho gia đình được chu đáo, ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn nào khác. Nay tôi xin khắc phục mâu thuẫn này, tôi sẽ cố gắng hạn chế việc đi nhậu và chăm lo cho gia đình nhiều hơn, quan tâm vợ con nhiều hơn. Hiện tại vợ chồng đang sống ly thân nhưng tôi vẫn còn thương vợ con rất nhiều nên tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 người con chung là 1/ Bùi D – sinh ngày 14/8/2010, 2/ Bùi L – sinh ngày 02/4/2013, 3/ Bùi T – sinh ngày 22/8/2016. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn tôi mong muốn được nuôi dưỡng cả 03 con chung, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Xin tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Qua xác minh tại khu phố Xà Ngách, thị trấn K được biết: Ông Bùi Văn L thường xuyên nhậu nhẹt, khi nhậu về thì hay đập phá đồ đạc, lớn tiếng quát nạt người trong nhà, ông L không chịu khó làm ăn, hay đi nhậu thường xuyên gây chuyệch với người trong gia đình.

- *Tại biên bản ghi nhận ý kiến của các cháu Bùi D, Bùi L trình bày:* Cháu D và cháu L đều có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Trần Thị Thúy K.

Tại phiên tòa bà K vẫn cương quyết xin ly hôn. Về con chung thì do cuộc thuê mướn nhà trọ bên ngoài không ổn định nên bà đồng ý giao 03 con chung cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông L xin nuôi các con chung do có nhà cửa ổn định, các cháu có bà nội chăm sóc cùng với ông L và các cháu cũng đang được đi học. Ông L không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về việc "Ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn Bùi Văn L cư trú tại tổ 17, khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đối với quan hệ hôn

nhân và con chung của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét giải quyết.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thúy K và ông Bùi Văn L có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/11/2010, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét về mâu thuẫn trong hôn nhân xuất phát từ việc ông L có hành vi bạo lực gia đình nhiều lần say rượu về quậy phá, đánh đập vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà, không quan tâm đến vợ con. Sự việc diễn ra thường xuyên và kéo dài dẫn đến cuộc sống vợ chồng lâm vào bế tắc, không thể hàn gắn nên bà K đã bỏ nhà đi sống ly thân với ông L từ tháng 6/2022 cho đến nay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên để vợ chồng trở về sống đoàn tụ nhưng bà K vẫn cương quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa, bà K khẳng định không thể hàn gắn với ông L, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, vợ chồng đã sống ly thân nên không còn yêu thương, chăm sóc cho nhau. Tuy ông L mong vợ chồng về chung sống đoàn tụ nhưng xét thấy ông L đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*. Từ những căn cứ nêu trên xét nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K.

[3] Về con chung: Bà K với ông L có 03 người con chung 1/ Bùi D – sinh ngày 14/8/2010, 2/ Bùi L – sinh ngày 02/4/2013, 3/ Bùi T – sinh ngày 22/8/2016. Cả bà K, ông L đều có nguyện vọng được nuôi 03 con chung, tại phiên tòa bà K và ông L thống nhất giao 03 con chung cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, do các con hiện đang sống với ông L và bà nội, có nơi ở ổn định, hiện đang được đi học nên ghi nhận sự thỏa thuận của ông, bà.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông L không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà K có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì caùc leõ treân,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Thúy K được ly hôn với ông Bùi Văn L.

- Về con chung: Giao các cháu Bùi D, Bùi L, Bùi T cho ông L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng: Do ông L không yêu cầu nên miễn xét.

Ông L và các thành viên trong gia đình không được cản trở bà K trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

- Về án phí: Bà Trần Thị Thúy K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0009114 ngày 04/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nên bà K không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Bà K và ông L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã B, H. C, T. Kiên Giang;
- Những người TGT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Pho

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA